ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 159/TTr-UBND	*Đại Đồng, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tân Hưng, xã Đại Đồng (từ đình Bến đến nghĩa trang thôn)

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Đấu thầu sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu 2023 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Sau khi rà soát các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và nông thôn kiểu mẫu tại địa phương, UBND xã Đại Đồng kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài chính bố trí, sắp xếp nguồn kinh phí hỗ trợ cho UBND xã để đầu tư xây dựng công trình với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tân Hưng, xã Đại Đồng (từ đình Bến đến nghĩa trang thôn).

2. Địa điểm xây dựng: Xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng.

4. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

5. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

6. Sự cần thiết phải đầu tư:

Thực hiện Đề án phát triển giao thông tỉnh Hưng với mục tiêu phát triển mạng lưới giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương và khu vực; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, trong những năm gần đây Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên bằng nhiều nguồn vốn khác nhau như vốn ngân sách, vốn đổi đất lấy cơ sở hạ tầng, vốn vay WB, nhân dân đóng góp…. Đã đầu tư xây dựng nhiều con đường, đường đá, đường bê tông, đường nhựa thay thế dần đường đất tạo bộ mặt mới cho giao thông nông thôn Hưng Yên. Song chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh chóng của xã hội hiện nay, do đó cần được tiếp tục đầu tư hoàn thiện nhằm đem lại hiệu quả tối đa mạng lưới giao thông phục vụ thiết thực nâng cao đời sống nhân dân.

Hiện trạng một số tuyến đường trong dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tân Hưng, xã Đại Đồng (từ đình Bến đến nghĩa trang thôn) hiện trạng là các tuyến đường nằm trên địa bàn thôn Tân Hưng, xã Đại Đồng, tuyến đường có chiều rộng hiện trạng khoảng 2,0-3,0m, hiện là đường đất, sụt lún, hệ thống mương thủy lợi bao quanh, cây cối mọc um tùm, gây ra tình trạng khó khăn trong việc giao thông đi lại.

Với nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tân Hưng, xã Đại Đồng (từ đình Bến đến nghĩa trang thôn) có ý nghĩa thiết thực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển; kích thích các nguồn lực địa phương của xã hưởng lợi đầu tư làm đường giao thông, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa giữa các vùng dân cư của xã cũng như giao lưu với khu vực, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, góp phần nâng cao đời sống nhân dân vùng dự án.

7. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân, dần hoàn thiện hệ thống trên địa bàn xã, tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã Đại Đồng nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

8. Quy mô dự kiến đề xuất đầu tư:

8.1 Quy mô thiết kế:

- Tổng chiều dài tuyến khoảng: L= 280m.

- Đường giao thông cấp IV.

- Kết cấu đường BTXM.

- Về nội dung cải tạo nền, mặt đường: Cải tạo, mở rộng nâng cấp trên cơ sở nền đường cũ.

8.2 Giải pháp thiết kế:

a. Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang tuyến

- Bình đồ tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo tim đường hiện tại, có điều chỉnh một số đoạn để đảm bảo tính êm thuận và hạn chế giải phóng mặt bằng.

- Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở nền đường hiện trạng. Cải tạo, nâng cấp nền và mặt đường để đảm bảo chiều dầy kết cấu và êm thuận toàn tuyến, có chiều dài khoảng 280,0m

- Trắc ngang: Chiều rộng mặt đường $B_{mặtTb}$=3,5 dốc ngang mặt đường $i_{mặt}$= 2%.

b. Kết cấu mặt đường

- Kết cấu mặt đường: BTXM trên móng cấp phối đá dăm tôn nền tạo phẳng và các lớp kết cấu tạo nền đường theo quy định.

c. Cống thoát nước ngang: Thiết kế thoát nước ngang đảm bảo tiêu thoát nước phù hợp với hệ thống của khu vực.

d. An toàn giao thông: thiết kế đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

e. Tường chắn: Xây dựng tường chắn tại các vị trí tiếp giáp mương thủy lợi và các vị trí khác cần gia cố, đảm bảo kết cấu nền đường.

9. Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp.

10. Tổng mức đầu tư dự kiến: **3.450.000.000 đồng**

(Bằng chữ : Ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn ./.).

11. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu vốn:

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách xã và các nguồn hợp pháp khác.

12. Kế hoạch thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên xem xét, hỗ trợ kinh phí để UBND xã Đại Đồng để triển khai thực hiện công trình nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn..!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG T. HƯNG YÊN

Tôn Ngọc Chuẩn

BẢNG TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG

DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN TÂN HƯNG, XÃ ĐẠI ĐỒNG (TỪ ĐÌNH BẾN ĐẾN NGHĨA TRANG THÔN)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng (VAT 8%)	Chi phí sau thuế
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**Gcpxd**		**1+2**	**2.443.602.000**	**195.488.160**	**2.639.090.000**
1	Nền mặt đường	G1		Tạm tính	931.000.000	74.480.000	1.005.480.000
2	Thoát nước	G2		Tạm tính	200.000.000	16.000.000	216.000.000
3	Kè đá hộc	G3		Tạm tính	1.260.000.000	100.800.000	1.360.800.000
4	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng	G4		(G1+G2+G3)*2,2%	52.602.000	4.208.160	56.810.000
II	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**Gqlda**	3,024%	Gxd x 3,024%	**72.303.840**		**72.304.000**
III	**CHI PHÍ TƯ VẤN XÂY DỰNG**	**Gtv**		**1+…+7**	**236.967.563**	**18.957.405**	**255.926.000**
1	Chi phí khảo sát địa hình	Gtv1		Dự toán	18.509.781	1.480.782	19.991.000
2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	Gtv2	4,148%	Gxd x 4,148%	99.178.680	7.934.294	107.113.000
3	Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT	Gtv3	0,336%	Gxd x 0,336% x 1,2	9.640.512	771.241	10.412.000
4	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT	Gtv4	0,346%	Gxd x 0,346%	8.272.860	661.829	8.935.000
5	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT	Gtv5	0,200%	Gxd x 0,2%	4.782.000	382.560	5.165.000
6	Chi phí giám sát thi công XD	Gtv7	3,203%	Gxd x 3,203%	76.583.730	6.126.698	82.710.000
7	Chi phí thẩm định giá vật tư	Gtv8		Tạm tính	20.000.000	1.600.000	21.600.000
IV	**CHI PHÍ KHÁC**	**Gk**		**1+…+6**	**94.232.388**	**6.569.511**	**100.803.000**
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng		0,019%	TMĐT x 0,019% x 50%	712.500		713.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	Gbh	0,250%	Gxd x 0,25%	6.109.005	488.720	6.598.000
3	Chi phí TT, phê duyệt QT			**3.1+3.2**	17.736.000	1.418.880	19.155.000
3.1	*Phần giải phóng mặt bằng*		0,480%	*(Ggpmb) x tỷ lệ x 50% x 50%*	*264.000*	*21.120*	*285.000*
3.2	*Phần còn lại*		0,480%	*(TMĐT-Ggpmb) x tỷ lệ x 50%*	*17.472.000*	*1.397.760*	*18.870.000*
4	Chi phí kiểm toán	Gkt		**4.1+4.2**	58.273.883	4.661.911	62.936.000
4.1	*Phần giải phóng mặt bằng*		0,803%	*Ggpmb x tỷ lệ x 50%*	*883.300*	*70.664*	*954.000*
4.2	*Phần còn lại*		0,803%	*(TMĐT-Ggpmb) x tỷ lệ*	*25.936.900*	*2.074.952*	*28.012.000*

5	Chi phí nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng			Bảng tính	11.401.000		11.401.000
6	Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của Nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	Gtv6	0,030%	Tối thiểu	5.000.000		5.000.000
V	**CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG**			**Tạm tính**	**220.000.000**		**220.000.000**
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	**Gdp**		**1**			**161.877.000**
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		5,000%	(I+II+III+IV+V)*5%			161.877.000
	TỔNG CỘNG	**Gtmdt**		**TMĐT**			**3.450.000.000**
Bằng chữ : Ba tỷ bốn trăm lăm mươi triệu triệu đồng chẵn ./.							